

Số: 20/2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 14 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp
nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình
quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng
hóa giai đoạn 2021 - 2030;*

*Xét Tờ trình số 332/TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện
Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm,
hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo
cáo thẩm tra số 108/BC-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa -
Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi thực hiện
Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm,
hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi chung là Chương trình 1322) theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất

lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030 (sau đây gọi chung là Thông tư số 35/2021/TT-BTC).

2. Các nội dung có liên quan đến mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 không quy định tại Nghị quyết này, được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mức chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng

1. Xây dựng chương trình truyền thông về năng suất chất lượng; phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng

a) Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Áp dụng định mức chi theo quy định hiện hành về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản;

b) Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

c) Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình, chương trình phát thanh: Áp dụng định mức chi theo quy định hiện hành của địa phương về định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất Chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

d) Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm): Thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 35/2021/TT-BTC;

đ) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng: Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Tạo lập, duy trì và khai thác phát triển cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn đối sánh, thực hành tốt về năng suất để phục vụ doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu liên quan khác: Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Mức chi đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng

1. Biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao năng suất chất lượng: Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi tổ chức các khóa đào tạo:

a) Tổ chức các khóa đào tạo đối với chuyên gia năng suất chất lượng, giảng viên năng suất chất lượng, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng; mở rộng đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề: Mức chi theo quy định hiện hành;

b) Tổ chức các khóa đào tạo tại nước ngoài cho các chuyên gia năng suất chất lượng đạt trình độ khu vực và quốc tế: Thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 35/2021/TT-BTC.

3. Thuê chuyên gia, giảng viên trong nước tham gia các khóa đào tạo chuyên gia năng suất chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định: Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu; thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định mức chi trả cụ thể cho chuyên gia trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 5. Mức chi hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế

Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 6. Mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình 1322

1. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các nhiệm vụ của Chương trình 1322; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan thường trực hoặc đầu mối tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322; tổ chức hội thảo khoa học: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; các nhiệm vụ

nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình 1322: Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND.

4. Các khoản chi khác (văn phòng phẩm, tiền điện, nước, thông tin liên lạc): Thực hiện theo khoản 4, Điều 8 Thông tư số 35/2021/TT-BTC.

5. Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng.

a) Áp dụng định mức chi quy định tại Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54 và Điều 55 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Chi hỗ trợ doanh nghiệp đạt Giải thưởng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương và Giải vàng chất lượng quốc gia là 30.000.000 đồng, đạt Giải bạc chất lượng quốc gia là 15.000.000 đồng.

Điều 7. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, áp dụng đổi mới, chuyển giao và ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng, ứng dụng các công cụ hỗ trợ cho sản phẩm thông minh, dịch vụ thông minh

Các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện tham gia Chương trình 1322 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ được hỗ trợ dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và mức chi hỗ trợ bằng 50% mức chi theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung và mức chi quản lý và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau và theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách Nhà nước; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm của địa phương theo phân cấp hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

2. Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung, mức chi thực hiện Chương trình

hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nội dung hỗ trợ đang được triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của pháp luật tại thời điểm bắt đầu nội dung hỗ trợ.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều